

Bản án số: 219/2024/HS-ST
Ngày 05-9-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Thường Đông.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Hoàng Thu.

Bà Trần Thị Nga.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Trọng Tường – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Minh P - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 275/2024/TLST-HS ngày 19 tháng 8 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 241/2024/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 8 năm 2024 đối với bị cáo:

Nguyễn Ngọc Đ, sinh năm 1991 tại tỉnh Tiền Giang; Giới tính: Nam; Nơi đăng ký thường trú: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang; Chỗ ở: 2 L, Khu phố E, phường T, quận B, thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ học vấn: 9/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Ngọc C và bà Phạm Phú N; Bị cáo có vợ và 01 người con sinh năm 2011; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 24/11/2023 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa;

*** Người tham gia tố tụng khác:**

1. Bị hại: Bà Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1970 – (vắng mặt).

Địa chỉ: D D, Ấp D, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

2.1. Ông Trương Ngọc A, sinh năm 1968 – (vắng mặt).

Địa chỉ: F H, Ấp F, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.2. Bà Lương Thị H1, sinh năm 1979 – (vắng mặt).

Địa chỉ: B L, phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 20 giờ 35 phút ngày 02/11/2023, Nguyễn Ngọc Đ điều khiển xe mô tô hiệu Honda Air Blade gắn biển số 62N1-587.66 lưu thông trên đường D. Khi đi đến trước tiệm T tại địa chỉ: D D, Ấp D, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh thì Đ phát hiện bà Nguyễn Thị Kim H (chủ tiệm tạp hóa) trên cổ đeo sợi dây chuyền màu vàng nên nảy sinh ý định cướp giật tài sản bán lấy tiền tiêu xài. Đ điều khiển xe đi qua khoảng 100 mét thì quay xe lại, dừng xe trước tiệm tạp hóa, hỏi mua 01 gói thuốc lá hiệu con mèo. Lúc này, H lấy 01 gói thuốc lá đưa cho Đ và nói gói thuốc lá giá 23.000 đồng, Đ đưa số tiền 25.000 đồng. Khi H vào lấy 2.000 đồng để trả tiền thừa thì Đ bỏ gói thuốc lá vào túi quần bên trái, ngồi trên xe đang nổ máy, đợi khi H đi ra đưa 2.000 đồng, Đ dùng tay trái giật sợi dây chuyền đang đeo trên cổ của H, rồi tăng ga xe bỏ chạy thì bị H kéo xe lại nhưng không được. Sau đó, Đ chạy đến đường D ra đường Q được một đoạn thì dừng xe lại, lấy sợi dây chuyền cho vào trong túi quần bên trái để cất giấu. Trên đường đi, Đ dừng xe lại kiểm tra thì thấy sợi dây chuyền vừa giật được không có mặt và dây chuyền không bị đứt, chỉ bị hở móc khóa nên Đ dùng chìa khóa xe máy đập lại cho bình thường. Đến khoảng 21 giờ 30 cùng ngày, Đ điều khiển xe đến tiệm V địa chỉ: B L, Khu phố E, phường T, quận B bán sợi dây chuyền được số tiền 11.010.000 đồng và dùng hết để tiêu xài cá nhân. Ngày 04/11/2023, bà H đến Công an xã T trình báo. Sau đó vụ việc được chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B điều tra xử lý.

Qua điều tra, xác minh, ngày 19/11/2023, khi Đ đang ở nhà trọ địa chỉ: 2 L, Khu phố E, phường T, quận B thì bị lực lượng Công an mời về trụ sở làm việc. Qua làm việc, Đ khai nhận toàn bộ hành vi cướp giật tài sản như trên.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 1582/KL-HĐĐGTS ngày 13/5/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B kết luận: *01 sợi dây chuyền trọng lượng 2,5 chỉ, loại vàng 18K trị giá còn lại 7.525.000 đồng.*

Vật chứng vụ án:

- Sợi dây chuyền trọng lượng 2,5 chỉ, loại vàng 18K, không thu giữ được.
- 01 USB màu đỏ, bên trong chứa dữ liệu hình ảnh diễn biến liên quan đến vụ cướp giật tài sản, lưu cùng hồ sơ vụ án.
- 02 tờ tiền mệnh giá 1.000 đồng.
- 01 xe mô tô hiệu Honda Air Blade màu đỏ đen gắn biển số 62N1-587.66, số khung: 607DY051794, số máy: JF46E0051525. Qua giám định, số khung, số máy không bị đục lại số. Qua xác minh số khung, số máy do ông Trương Ngọc A đứng tên chủ sở hữu, ông A trình bày đã bán xe trên cho người đàn ông tên K (không rõ lai lịch), không làm thủ tục sang tên và ông A không yêu cầu gì đối với xe trên. Qua giám định, biển số 62N1- 587.66 là giả. Nguyễn

Ngọc Đ trình bày: mua xe trên của một người đàn ông tên H2 (không rõ lai lịch) với giá 29.000.000 đồng, không làm thủ tục sang tên.

- 01 nón bảo hiểm màu xám viền đen, 01 nón kết màu đỏ đen, 01 áo sơ mi màu xanh dương đậm có sọc trắng, 01 quần đùi màu xám, 01 đôi dép màu trắng đen (có 01 chiếc phải có hình gấu màu đen) thu giữ của Nguyễn Ngọc Đ.

Về dân sự: Bị hại Nguyễn Thị Kim H không yêu cầu bị cáo trả lại tài sản và không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại.

Tại Cáo trạng số: 267/CT-VKS ngày 09/8/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc Đ về tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

* Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017): Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc Đ từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm 06 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”;

- Về vật chứng:

+ Lưu giữ hồ sơ vụ án 01 USB màu đỏ, bên trong chứa dữ liệu hình ảnh diễn biến liên quan đến vụ cướp giật tài sản.

+ Trả lại cho bị cáo 02 tờ tiền mệnh giá 1000 đồng.

+ Tịch thu và tiêu hủy: 01 biển số 62N1-587.66, 01 nón bảo hiểm màu xám viền đen, 01 nón kết màu đỏ đen, 01 áo sơ mi màu xanh dương đậm có sọc trắng, 01 quần đùi màu xám, 01 đôi dép màu trắng đen (có 01 chiếc phải có hình gấu màu đen) thu giữ của Nguyễn Ngọc Đ.

+ Giao Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh cho đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng trong một thời gian nhất định để tìm chủ sở hữu hợp pháp đối với xe mô tô Honda Air Blade màu đỏ đen, số khung: 607DY051794, số máy: JF46E0051525. Trong hạn trên ai xuất trình đầy đủ các tài liệu chứng minh chủ sở hữu thì trả lại. Quá thời hạn trên không ai đến nhận thì tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước.

- Về dân sự: Ghi nhận bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại.

* Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Ngọc Đ khai nhận hành vi như nội dung vụ án nêu trên và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để sớm quay về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã được thực hiện đúng

thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét thấy lời khai tại phiên tòa của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, vật chứng của vụ án và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận vào khoảng 20 giờ 35 phút ngày 02/11/2023 bị cáo Nguyễn Ngọc Đ đã thực hiện hành vi điều khiển xe mô tô hiệu Honda Air Blade màu đỏ đen biển số 62N1-587.66 và dùng tay trái giật sợi dây chuyền trọng lượng 2,5 chỉ, loại vàng 18K đang đeo trên cổ của bà Nguyễn Thị Kim H rồi tăng ga tẩu thoát tại địa chỉ D9/13A D, Ấp D, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Hành vi của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến tài sản hợp pháp của bị hại. Khi thực hiện hành vi cướp giật điện thoại di động của bị hại, bị cáo đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, có khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình nhưng vì tham lam, vụ lợi, muốn chiếm đoạt tài sản của bị hại để bán lấy tiền tiêu xài nên bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Tài sản bị cáo chiếm đoạt có giá trị 7.525.000 đồng.

Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận bị cáo Nguyễn Ngọc Đ phạm tội “Cướp giật tài sản” với tình tiết định khung tăng nặng là “Dùng thủ đoạn nguy hiểm”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Do đó Cáo trạng truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Xét Hành vi phạm tội của bị cáo không chỉ trực tiếp xâm phạm đến tài sản hợp pháp của bị hại mà còn gây ảnh hưởng đến an ninh trật tự tại địa phương và gây nguy hiểm cho những người khác tham gia lưu thông trên đường. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy cần phải áp dụng hình phạt nghiêm, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù trong một khoảng thời gian nhất định để răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Tuy nhiên, xét thấy tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử có xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Về xử lý vật chứng vụ án:

- 01 USB màu đỏ, bên trong chứa dữ liệu hình ảnh diễn biến liên quan đến vụ cướp giật tài sản, lưu cùng hồ sơ vụ án nên lưu giữ hồ sơ vụ án.

- 02 tờ tiền mệnh giá 1000 đồng, có liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo, tại phiên tòa bị cáo cũng không có yêu cầu nhận lại số tiền trên nên tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

- 01 xe mô tô hiệu Honda Air Blade màu đỏ đen gắn biển số 62N1-587.66, số khung: 607DY051794, số máy: JF46E0051525. Qua giám định, số khung, số máy không bị đục lại số. Qua xác minh số khung, số máy do ông Trương Ngọc A đứng tên chủ sở hữu, ông A trình bày đã bán xe trên cho người đàn ông tên K (không rõ lai lịch), không làm thủ tục sang tên và ông A không yêu cầu gì đối với xe trên. Qua giám định, biển số 62N1- 587.66 là giả. Nguyễn Ngọc Đ trình bày: mua xe trên của một người đàn ông tên H2 (không rõ lai lịch) với giá 29.000.000 đồng, không làm thủ tục sang tên.

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy, cần giao Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh cho đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng trong thời hạn 01 (một) năm để tìm chủ sở hữu hợp pháp đối với xe mô tô Honda Air Blade màu đỏ đen, số khung: 607DY051794, số máy: JF46E0051525. Trong hạn trên ai xuất trình đầy đủ các tài liệu chứng minh chủ sở hữu thì trả lại. Quá thời hạn trên không ai đến nhận thì tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước. Đối với biển số 62N1- 587.66 qua giám định là giả nên tịch thu và tiêu hủy.

- 01 nón bảo hiểm màu xám viền đen, 01 nón kết màu đỏ đen, 01 áo sơ mi màu xanh dương đậm có sọc trắng, 01 quần đùi màu xám, 01 đôi dép màu trắng đen (có 01 chiếc phải có hình gấu màu đen) thu giữ của Nguyễn Ngọc Đ. Xét không có giá trị sử dụng nên tịch thu và tiêu hủy.

[7] Về dân sự: Bị hại Nguyễn Thị Kim H không yêu cầu bị cáo trả lại tài sản và không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Đối với bà Lương Thị H1 (chủ tiệm V) trình bày không nhớ rõ có mua sợi dây chuyền vàng 18K của bị cáo Nguyễn Ngọc Đ hay không do tiệm vàng rất đông người đến mua bán và Cơ quan điều tra cũng không thu hồi được sợi dây chuyền vàng 18K nên không có cơ sở để xử lý đối với bà H1.

[10] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát đề nghị về tội danh, hình phạt đối với bị cáo cũng như đề nghị xử lý vật chứng vụ án và dân sự. Hội đồng xét xử cũng chấp nhận đề nghị của bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 171, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Ngọc Đ** 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24/11/2023.

* Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước: 02 (hai) tờ tiền mệnh giá 1000 (một nghìn) đồng.

- Giao Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh cho đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng trong thời hạn 01 (một) năm để tìm chủ sở hữu hợp pháp đối với xe mô tô Honda Air Blade màu đỏ đen, số khung: 607DY051794, số máy: JF46E0051525. Trong hạn trên ai xuất trình đầy đủ các tài liệu chứng minh chủ sở hữu thì trả lại. Quá thời hạn trên không ai đến nhận thì tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước.

- Tịch thu và tiêu hủy: Biển số 62N1- 587.66, 01 (một) nón bảo hiểm màu xám viền đen, 01 (một) nón kết màu đỏ đen, 01 (một) áo sơ mi màu xanh dương đậm có sọc trắng, 01 (một) quần đùi màu xám, 01 (một) đôi dép màu trắng đen (có 01 (một) chiếc phải có hình gấu màu đen).

(các vật chứng, đồ vật trên Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Chánh đang tạm giữ theo Biên bản giao nhận tang tài vật ngày 29/7/2024 giữa Công an huyện B và Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Chánh).

- Lưu giữ hồ sơ vụ án 01 (một) USB màu đỏ, bên trong chứa dữ liệu hình ảnh diễn biến liên quan đến vụ cướp giật tài sản.

* Ghi nhận bị hại không yêu cầu bị cáo trả lại tài sản và không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại.

* Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

* Căn cứ Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TPHCM (1);
- Viện kiểm sát nhân dân TPHCM (1);
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh (2);
- Công an huyện Bình Chánh (1);
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Chánh (1);
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an TPHCM (1);
- Sở tư pháp TPHCM (1);
- Nhà tạm giữ Công an huyện Bình Chánh (1);
- Bị cáo (1);
- Bị hại (1);
- Đương sự (1);
- Lưu HS (1);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lý Thường Đông

- Luru VT (1).



2 000015 530200